TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:36/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 25-5-2020
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Vương

2. Bà Trương Thị Ngọc Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên toà: Ông Dương Văn Sáu- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 374/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2019 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐXX-ST ngày 10 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Ngọc Đ, sinh năm 1982. Vắng mặt

Bị đơn: Anh Bùi Văn S, sinh năm: 1981. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Tổ 8, ấp 2, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Bùi Thị Ngọc Đ trình bày:

Chị Đ và anh Bùi Văn S sau thời gian quen biết nhau thì về chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước năm 2008, có tổ chức lễ cưới theo phong tục. Hai vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2012 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh S có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, anh S có tính gia trưởng, thỉnh thoảng

còn đánh đập vợ. Chị Đ khuyên can thì anh S cũng chỉ khắc phục được một thời gian rồi lại tiếp tục. Trước đây do con còn nhỏ nên chị Đ cố gắng chịu đựng nhưng đến nay con đã lớn và thấy anh S không thay đổi, chị Đ cảm thấy hôn nhân không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh S.

Con chung: chị Đ và anh S có 02 người con chung, tên Bùi Long N, sinh ngày 12/02/2012 và cháu Bùi Minh Nh, sinh ngày 03/01/2015. Theo đơn khởi kiện thì chị Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Bùi Minh Nh còn cháu Bùi Long N thì để anh S nuôi khi ly hôn. Tuy nhiên, trong quá trình hòa giải, chị Đ thay đổi yêu cầu khởi kiện và yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết, để hai vợ chồng tự thỏa thuận.

Nợ chung: tại đơn khởi kiện, chị Đ có khai có nợ Ngân hàng công thương Việt Nam số tiền 400.000.000đ. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, chị Đ khai đã trả hết khoản nợ trên và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Bùi Văn S không có mặt nên không làm việc và không thu thập được lời khai của anh S.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tại phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký phiên tòa đã thựa hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đ về việc ly hôn với anh Bùi Văn S, giao cho chị Đ được quyền trực tiếp nuôi hai con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Bùi Thị Ngọc Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Bùi Văn S, cư trú tại ấp 2, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Tòa án xác định đây là vụ án về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

Chị Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, không có lý do. Áp

dụng khoản 1 Điều 228, điểm a khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Đ và anh S.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Ngọc Đ thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự cùng các chứng cứ có trong hồ sơ thấy rằng: Anh S và chị Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B (nay là huyện H), tỉnh Bình Phước vào năm 2008. Quá trình chung sống, do anh S có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, anh S có tính gia trưởng, thỉnh thoảng còn đánh đập vợ dẫn đến cộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được. Anh S đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không lên làm việc chứng tỏ anh S không có thiện chí hòa giải mâu thuẫn, không có mục đích hàn gắn quan hệ vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn của anh S và chị Đ là nghiêm trọng, mục đích của việc hôn nhân không đạt được, chị Đ yêu cầu ly hôn là có căn cứ, được chấp nhận.

Về con chung: Chị Đ và anh S có 02 con chung tên Bùi Long N sinh ngày 12/02/2012 và cháu Bùi Minh Nh, sinh ngày 03/01/2015. Xét thấy, chị Đ yêu cầu được yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, anh S không thể hiện có nguyện vọng nuôi con nên cần giao con chung cho chị Đ. Yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung của chị Đ được chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Đ không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung: Chị Đ không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Chị Đ khai không có nên tạm thời Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí:

Nguyên đơn chị Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; ; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Cắn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

[2]. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bùi Thị Ngọc Đ.

Về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Bùi Thị Ngọc Đ và anh Bùi Văn S.

Giấy chứng nhận kết hôn số 40 ngày 17/3/2008 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện B (nay là huyện H), tỉnh Bình Phước hết hiệu lực pháp luật khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Giao các cháu Bùi Long N sinh ngày 12/02/2012 và cháu Bùi Minh Nh, sinh ngày 03/01/2015 cho chị Bùi Thị Ngọc Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đ không yêu cầu nên không xem xét.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đề việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi tích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền thay đổi mức cấp dưỡng, xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ cho rằng bên kia không đáp ứng được quyền lợi của con.

3. Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Đương sự khai không có nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị Ngọc Đ phải chịu án phí hôn nhân là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị Đ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001546 ngày 10/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- UBND xã A, huyện H;
- Lưu HS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Minh Hải